




TIỂU LUẬN:

**Kế toán tài sản cố định tại
xí nghiệp**



Lời nói đầu

Hầu như trong bất cứ doanh nghiệp nào thì TSCĐ đều đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Từ khi nền kinh tế thị trường bung ra thoát khỏi cơ chế quan liêu bao cấp và được sửa đổi lại nhiều lần đã khiến cho công việc sản xuất kinh doanh, làm ăn của mỗi một công ty, mỗi xí nghiệp, mỗi doanh nghiệp càng có đà phát triển, cũng như TSCĐ trong các doanh nghiệp ngày càng được đổi mới, hiện đại hoá, tăng nhanh về mặt số lượng theo sự phát triển của nền sản xuất xã hội và những tiến bộ khoa học. Bên cạnh đó, TSCĐ còn là cơ sở vật chất kỹ thuật chủ yếu của doanh nghiệp. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Kế toán là một công cụ quản lý, vì vậy tổ chức tốt công tác kế toán TSCĐ sẽ cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, cũng như việc sử dụng tốt TSCĐ sẽ nâng cao hiệu quả kinh tế của TSCĐ.

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành được tách ra từ tổ hợp tác xã dịch vụ quận Đống Đa - Hà nội. Bộ máy quản lý và bộ máy kế toán của xí nghiệp được tổ chức tiết kiệm và hiệu quả phù hợp với yêu cầu quản lý của xí nghiệp và phù hợp với sự đổi mới của hệ thống kế toán Việt nam.

Qua tìm hiểu thực tế tại xí nghiệp, dưới sự hướng dẫn tận tình của cô giáo với các anh chị trong phòng tài chính tại xưởng, tôi đã đi sâu vào nghiên cứu công tác: Kế toán tài sản cố định tại xí nghiệp.

Ngoài lời mở đầu và kết luận báo cáo gồm 3 chương:

CHƯƠNG I: Các vấn đề chung kế toán TSCĐ

Chương II: Thực tế công tác kế toán TSCĐ tại xí nghiệp sửa chữa ô tô đức thành.

Chương III: Nhận xét và kiến nghị công tác kế toán TSCĐ

Chương I: Các vấn đề chung kế toán TSCĐ

1.1-Khái niệm, đặc điểm TSCĐ, vai trò của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh:

1.1.1- Khái niệm, đặc điểm TSCĐ:

• Khái niệm: TSCĐ là những tư liệu chủ yếu và những tài sản khác có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài.

- Theo cơ chế tài chính hiện hành, những tư liệu lao động đồng thời thoả mãn cả hai tiêu chuẩn sau thì được gọi là TSCĐ :

+ Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.

+ Có giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên.

- Các khoản chi thực tế có liên quan đến hành động của doanh nghiệp thoả mãn cả hai tiêu chuẩn trên mà không hoàn thành TSCĐ hữu hình thì được gọi là TSCĐ vô hình.

- Một số trường hợp đặc biệt cũng có những TS không đủ một trong hai tiêu chuẩn trên nhưng có vị trí quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và do yêu cầu quản lý, sử dụng TS, được cơ quan chủ quản thoả thuận với Bộ TC cho phép xếp loại là TSCĐ.

*Đặc điểm:

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng.
- Giá trị hao mòn dần và chuyển dịch từng phần vào giá trị của sản phẩm mới sáng tạo.

1.1.2- Vai trò của TSCĐ trong quá trình SXKT:

Do quản lý của TSCĐ nên doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ của TSCĐ cả về giá trị và hiện vật.

- Về giá trị: phải quản lý chặt chẽ nguyên giá, tình hình hao mòn, giá trị còn lại của TSCĐ, việc thu hồi vốn đầu tư ban đầu để tái sản xuất TSCĐ trong các doanh nghiệp.

- Về hiện vật: phải quản lý chặt chẽ số lượng, tình hình biến động TSCĐ, hiện trạng kỹ thuật của TSCĐ cần kiểm tra giám sát việc bảo quản, sử dụng TSCĐ ở từng bộ phận trong doanh nghiệp.

1.2-Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ:

- Ghi chép đầy đủ về số lượng hiện có và tình hình biến động của các loại TSCĐ.
- Tính đúng và phân bổ chính xác số khấu hao TSCĐ vào chi phí kinh doanh và sử dụng có hiệu quả nguồn khấu hao đó.
- Lập kế hoạch và dự toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phản ánh chính xác chi phí thực tế sửa chữa vào chi phí kinh doanh trong kỳ.
- Hướng dẫn kiểm tra các bộ phận trong doanh nghiệp mở các sổ kế toán chi tiết để theo dõi TSCĐ tại bộ phận sử dụng.
- Tham gia kiểm kê đánh giá lại TSCĐ, lập báo cáo về TSCĐ, phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ.

1.3-Các cách phân loại TSCĐ chủ yếu và nguyên tắc đánh giá TSCĐ:

1.3.1- Các cách phân loại TSCĐ chủ yếu:

Trong doanh nghiệp sản xuất TSCĐ có nhiều loại, mỗi loại có những đặc điểm kỹ thuật khác nhau, kiểu cách khác nhau, công dụng, thời hạn sử dụng khác nhau, được sử dụng trong những lĩnh vực hoạt động khác nhau. Phân loại TSCĐ là sắp xếp TSCĐ thành từng loại, từng nhóm có đặc tính giống nhau theo tiêu thức nhất định. Có nhiều tiêu thức phân loại TSCĐ trong doanh nghiệp sản xuất như theo hình thái biểu hiện, theo chủ thể và tính pháp lý, theo đặc trưng kỹ thuật TSCĐ.

- Phân loại TSCĐ căn cứ vào hình thái biểu hiện TSCĐ được chia ra làm 2 loại: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

+ TSCĐ hữu hình: là những tài sản có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài. Theo đặc trưng kỹ thuật TSCĐHH chia thành các loại:

. Là những TSCĐ được hình thành thông qua XD cơ bản: nhà cửa, nhà xưởng, công trình.

. Máy móc thiết bị là toàn bộ những thiết bị tham gia vào các quá trình hoạt động KD của doanh nghiệp. Có thể là kết cấu riêng biệt hoặc dưới dạng một tổ hợp, nhiều kết cấu hợp thành.

. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: ô tô, máy kéo, đường ống dẫn nước, dẫn hơi...

. Thiết bị dụng cụ quản lý là những thiết bị dụng cụ tham gia vào quá trình hoạt động SXKD ở Dn.

. Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc cho SP.

. Các loại TS khác: tranh ảnh nghệ thuật, sách truyện môn kỹ thuật...

+ TSCĐ vô hình: là những TS có hình thái, vật chất không cụ thể, thể hiện 1 lượng giá trị đã được đầu tư, liên quan nhiều đến chu kỳ SXKD của doanh nghiệp.

TSCĐ vô hình bao gồm:

. Quyền sử dụng đất: những giá trị mặt đất, mặt biển mà doanh nghiệp phải bỏ chi phí sử dụng.

. Chi phí thành lập doanh nghiệp: toàn bộ những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình hình thành nên DN.

. Chi phí nghiên cứu phát triển: là những chi phí để hoàn thành nghiên cứu thực hiện nghiệm thu 1 đề tài nghiên cứu SXKD có liên quan đến lợi ích lâu dài của DN.

. Lợi thế thương mại là khoản chi phí mà DN phải chi ra ngoài giá trị của TSCĐHH do TSCĐHH có nhiều lợi thế về SXKD, đội ngũ người lao động, ban quản lý.

. Chi phí về phát minh sáng chế: là các chi phí DN phải trả cho các công trình nghiên cứu thử được Nhà nước cấp bằng phát minh sáng chế.

. TSCĐVH khác như quyền thuê nhà, bản quyền tác giả...

- Phân loại TSCĐ theo chủ thể sở hữu và tính pháp lý của doanh nghiệp: theo tiêu thức này TSCĐ được chia làm 2 loại: TSCĐ tự do và TSCĐ thuê ngoài.

. TSCĐ tự có: là những TSCĐ do DN tự mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn và có vị trí chủ yếu trong doanh nghiệp.

. TSCĐ thuê ngoài: là những TSCĐ mà DN phải đi thuê của đơn vị khác để sử dụng trong một thời gian nhất định TSCĐ thuê ngoài gồm có TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ thuê hoạt động.

- Phân loại TSCĐ theo công dụng và tình hình sử dụng theo tiêu thức này TSCĐ được chia làm 3 loại;

.TSCĐ dùng trong SXKD: là những TSCĐ doanh nghiệp sử dụng cho các mục đích SXKD của DN.

. TSCĐ dùng cho mục đích SXKD của DN.

. TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng: là những TSCĐ do DN quản lý sử dụng cho các mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong DN.

. TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ, cất giữ hộ Nhà nước: là những TSCĐ doanh nghiệp phải bảo hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất giữ hộ Nhà nước theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài các loại trên, TSCĐ trong DN có thể còn có loại TSCĐ chờ xử lý.

1.3.2- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ:

Đánh giá TSCĐ là biểu hiện bằng tiền giá trị của TSCĐ theo nguyên tắc nhất định. Xuất phát từ đặc điểm và yêu cầu quản lý TSCĐ trong quá trình sử dụng TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại.

• Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá: là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra để có TSCĐ, cho tới khi đưa TSCĐ vào sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ phải căn cứ vào những chế độ quy định quản lý hiện hành.

- Nguyên giá TSCĐH:

+ Nguyên giá TSCĐ loại mua sắm (kể cả mua mới và cũ) bao gồm: giá mua thực tế phải trả, lãi tiền vay đầu tư cho TSCĐ, các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt.

+ Nguyên giá TSCĐ loại đầu tư XDCB (kể cả tự làm và cho thuê ngoài) là giá quyết toán của công trình theo quy định tại điều lệ quản lý đầu tư xây dựng hiện hành các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

+ Nguyên giá TSCĐHH được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại trên sổ KT của TSCĐ ở đơn vị cấp, các chi phí tân trang, sửa chữa.

Riêng TSCĐ điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong DN căn cứ vào nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại TSCĐ trên sổ KT.

+ Nguyên giá TSCĐ nhận vốn góp liên doanh được biểu tưng nhận lại vốn góp liên doanh gồm: giá trị theo đánh giá thực tế, các chi phí tân trang, sửa chữa.

- Nguyên giá TSCĐVH:

+ Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng.

+ Chi phí thành lập doanh nghiệp: là các chi phí thực tế, hợp lý, hợp lệ và cần thiết đã được những người tham gia thành lập doanh nghiệp chi ra.

+ Chi phí nghiên cứu phát triển: là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra để thực hiện nghiên cứu, thăm dò, xây dựng các kế hoạch đầu tư dài hạn.

+ Chi phí về bằng phát minh, sáng chế, bản quyền tác giả là toàn bộ các chi phí, thực tế DN đã chi ra cho các công trình nghiên cứu.

+ Chi phí về lợi thế KD: là khoản dành cho phần chênh lệch phải trả thêm ngoài giá trị các TS theo đánh giá thực tế:

$$\begin{array}{l} \text{Số chênh} \\ \text{lệch phải} \\ \text{trả thêm} \end{array} = \text{Giá mua} - \begin{array}{l} \text{Giá trị của} \\ \text{các TS theo} \\ \text{đánh giá} \\ \text{thực tế} \end{array}$$

- Nguyên giá TSCĐ thuê TC:

+ Phản ánh ở đơn vị thuê như đơn vị chủ sở hữu TS bao gồm: giá mua thực tế, các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, các chi phí sửa chữa, tân trang trước khi đưa vào sử dụng, chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí trước bạ (nếu có).

+ Phân chênh lệch giữa TSCĐ phải trả cho đơn vị đi thuê với nguyên giá TSCĐ được hạch toán vào chi phí kinh doanh.

+ Kế toán TSCĐ phải tôn trọng nguyên tắc ghi theo nguyên giá của từng đối tượng TSCĐ trên sổ kế toán và chỉ xác định 1 lần khi tăng TSCĐ.

+ Nguyên giá TSCĐ chỉ thay đổi trong các trường hợp

. Đánh giá lại giá trị TSCĐ.

. Nâng cấp TSCĐ.

. Tháo dỡ 1 hay một số bộ phận của TSCĐ.

+ Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ, DN phải lập biên bản ghi rõ căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá còn lại TSCĐ.

1.4- Thủ tục tăng, giảm TSCĐ. Chứng từ KT và KT chi tiết TSCĐ:

1.41.- Thủ tục tăng, giảm TSCĐ theo chế độ quản lý TSCĐ:

• Thủ tục tăng TSCĐ:

- Kế toán chi tiết tăng TSCĐ:

+ khi có TSCĐ mới tăng thêm do XD hoàn thành, mua sắm, được cấp trên phát ... DN phải lập Hội Đồng bàn giao TSCĐ gồm đại diện bên giao và bên nhận.

+ Đối với trường hợp giao nhận cùng một lúc nhiều TSCĐ có nhiệm vụ nghiệm thu và lập biên bản giao nhận TSCĐ

+ Biên bản giao nhận TSCĐ được lập thành hai bản bên giao giữ một bản , bên nhận giữ một bản. Biên bản giao nhận TSCĐ được chuyển cho phòng kế toán vào hồ sơ TSCĐ.

+ Hồ sơ TSCĐ gồm: biên bản giao nhận TSCĐ , các bản sao tài liệu kỹ thuật, các hoá đơn vận chuyển bốc dỡ... Kế toán doanh nghiệp phải quy định cho mỗi đối tượng TSCĐ một số hiệu riêng phục vụ công tác quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp.

Có...

S T T	Tên , mã, ký hiệ u, qui cách	Số hiệu TSC Đ	Nướ c sản xuất (xây dựng)	Nă m sản xuấ t	Nă m đưa vào sử dụn g	Công suất (diện tích thiết kế)	Tính nguyên giá TSCĐ				Tỷ lệ ha o m òn %	Tài liệu kè m the o
							Giá mua (Zsx)	Cước phí vận chuyể n	Ch i ph í ch ạy th ử	Nguy ên giá TSC Đ		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E
1	Má y cưa	-	VN	N-1	N	-	60.00 0	5.000	-	65.00 0	12	-

Thủ trưởng đơn vị Kế Toán trưởng Người nhận Người giao
(Ký tên, đóng dấu) (Ký tên, đóng dấu) (Ký tên, đóng dấu) (Ký tên, đóng dấu)

*** Hoá đơn khối lượng XDCB hoàn thành**

Hoá đơn khối lượng XDCB hoàn thành

Ngày tháng năm 2001

Tên công trình Quyền :

Số:

Nợ:

Có:

Căn cứ hợp đồng nhận thầu xây dựng số.....ngày.....năm 2001 của bên nhận thầu (bên B) và ban quản lý dự án (bên A)

Căn cứ biên bản nghiệm thu số.....ngày.....năm 2001 đề nghị thanh toán giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành là:

Tài khoản số:

Tại ngân hàng:

STT	Tên hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành	Dự toán được duyệt		Giá trị khối lượng công trình đã TT kỳ trước		Giá trị khối lượng công trình hoàn thành đề nghị TT kỳ này	
		Xây	Lắp	Xây	Lắp	Xây	Lắp
A	B	1	2	3	4	5	6
	Cộng						

Tổng số tiền(viết bằng chữ).....

Trong đó thuế.....

Ghi chú.....

Thủ trưởng đơn vị nhận thầu (bên B) Trưởng ban quản lý dự án (Bên A)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng đvị nhận thầu

Kế toán trưởng BQLDA

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

- Biên bản thanh lý TSCĐ

Biên bản thanh lý TSCĐ

Ngày tháng năm 2001

Số:

Nợ:

Có:

Căn cứ quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....về việc thanh lý TSCĐ.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông (bà).....đại diện.....trưởng ban.

Ông (bà).....đại diện.....ủy viên.

Ông (bà).....đại diện.....ủy viên.

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ.....
- Số hiệu TSCĐ.....
- Nước sản xuất (xây dựng).....
- Năm sản xuất.....
- Năm đưa vào sử dụng.....Số thẻ TSCĐ.....
- Nguyên giá TSCĐ.....
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý.....
- Giá trị còn lại của TSCĐ.....

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

.....

Ngày tháng.....năm.....

Trưởng ban thanh lý

(ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

Chi phí thanh lý TSCĐ.....(viết bằng chữ).....

Giá trị thu hồi.....(viết bằng chữ).....

Đã ghi giảm (số) thẻ TSCĐ ngày.....tháng.....năm.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

• Biên bản đánh giá lại TSCĐ:

Đơn vị:.....

Biên bản đánh giá lại TSCĐ

Địa chỉ:.....

Ngày tháng năm

Số:

Nợ:

Có:

Căn cứ quyết định số ngày.....tháng năm.....của.....về việc đánh giá lại TSCĐ-

Ông (bà).....chức vụ.....đại diện.....chủ tịch hội đồng.

Ông (bà).....chức vụ.....đại diện.....ủy viên.

Ông (bà).....chức vụ.....đại diện.....ủy viên.

S T T	Tên, mã, ký hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ	Số hiệ u TS CĐ	Số thẻ TSC Đ	Giá đang hạch toán			Đánh giá lại		
				Nguy ên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại	Nguyê n giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
	Cộng								

Ủy viên

Ủy viên

Chủ tịch hội đồng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Người ghi sổ

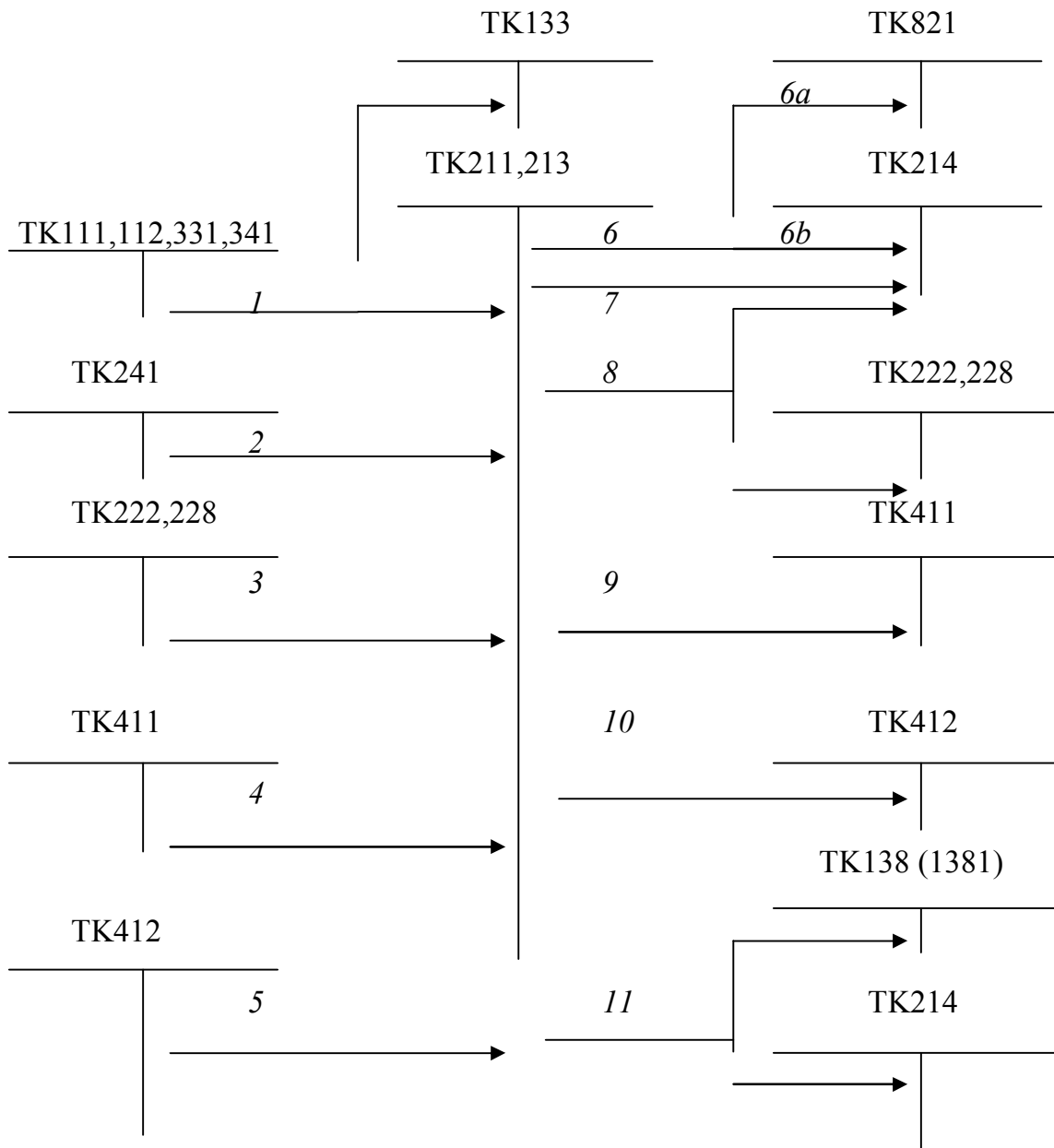
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

1.4.3- Kế toán chi tiết tăng, giảm TSCĐ

Sơ đồ kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ



Giải thích sơ đồ

- 1- Nguyên giá TSCĐ tăng do mua sắm.
- 2- Nguyên giá TSCĐ tăng do XDCB hoàn thành bàn giao.

3- Nhận lại TSCĐ cho thuê tài chính, góp vốn liên doanh.

4- Nguyên giá TSCĐ tăng do được cấp, tặng, viện trợ, nhận vốn góp.

1.5-Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ

1.5.1-Tài khoản kế toán sử dụng:

- Tài khoản 211: “TSCĐ hữu hình”.

- Nội dung: phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ hữu hình của DN theo nguyên giá

- Kết cấu:

Bên nợ: + Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng do được cấp, hoàn thành xây dựng cơ bản bàn giao đưa vào sử dụng, mua sắm, các đơn vị tham gia liên doanh góp vốn, được biếu tặng. Viện trợ...

+ Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp trang thiết bị thêm, do đánh giá lại tài sản.

Bên có: + Nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm do nhượng bán thanh lý, do điều chuyển ...

Số dư bên nợ: nguyên giá TSCĐHH hiện có:

- TK 211 có 7 TK cấp 2:

- + TK 211.1: đất

- + TK 211.2: nhà cửa vật kiến trúc.

- + TK 211.3: máy móc thiết bị.

- + TK 211.4: phương tiện vận tải, truyền dẫn.

- + TK 211.5: thiết bị dụng cụ quản lý

- + TK 211.6: cây lâu năm, súc vật làm việc.

- + Tk 211.8: TSCĐ khác.

- + TK 411: quỹ vốn kinh doanh.

- Nội dung: tài khoản này phản ánh nguồn vốn KD hiện có và tình hình tăng giảm nguồn vốn của DN

- Kết cấu:

Bên nợ: nguồn vốn kinh doanh giảm do trả vốn ngân sách, các bên tham gia liên doanh hoặc cổ đông góp vốn, do bổ sung từ kết quả SXKD.

Số dư bên có: nguồn vốn hiện có của doanh nghiệp

- TK 213: “ TSCĐVH”

- Nội dung: phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của TSCĐ của DN.

- Kết cấu:

Bên nợ: nguyên giá TSCĐVH tăng.

Bên có: nguyên giá TSCĐVH giảm .

Số dư bên nợ : nguyên giá TSCĐVH hiện có:

TK 213 có 6 TK cấp 2:

+ TK 213.1: quyền sử dụng đất

+ TK 213.2: chi phí thành lập, chuẩn bị sản xuất

+ TK 213.3: bằng phát minh sáng chế.

+ TK 213.4: chi phí nghiên cứu phát triển

+ TK 213.5: chi phí về lợi thế thương mại

+ TK 213.8: TSCĐVH khác

1.5.2- Kế toán tổng hợp các trường hợp tăng TSCĐHH:

- Do mua sắm:

- DN chịu thuế GTGT- tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Nếu đơn vị sử dụng tiền thuộc các nguồn vốn chủ sở hữu khác trả nợ vốn vay thì đồng thời phải chuyển nguồn.

- DN chịu thuế GTGT tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ.

- Do nhận góp vốn bằng TSCĐ, nhận cấp phát.
- Căn cứ vào trị giá vốn do hội đồng liên doanh đánh giá.

1.5.3- Kế toán TSCĐ thuê TC:

TSCĐ đi thuê TC còn gọi là thuê vốn dưới dạng TSCĐ là những TSCĐ DN thuê của công ty cho thuê tài chính nếu hợp đồng thuê thoả mãn ít nhất 4 điều kiện sau đây:

- Khi kết thúc thời hạn cho thuê thì 2 bên sẽ tiếp tục thoả hiệp thuê hay không thuê khi được chuyển quyền sở hữu TSCĐ.
- Khi kết thúc hợp đồng thuê bên thuê được quyền mua lại TS với giá thấp hơn giá trị thực tế của TS mua lại.
- Thời hạn cho thuê một loại TS ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao TS cho thuê.
- Tổng số tiền thuê 1 TS ít nhất phải tương đương với giá TS đó trên thị trường và vào thời điểm ký hợp đồng.

1.5.4- Kế toán tăng TSCĐ vô hình:

- TSCĐVH tăng do mua.
- TSCĐVH tăng là lợi thế thương mại
- TSCĐVH tăng là toàn bộ chi phí thành lập DN

1.5.5- Kế toán tổng hợp các trường hợp giảm TSCĐHH và TSCĐVH:

- Trường hợp giảm TSCĐHH:
 - Nhượng bán TSCĐ: thường là những TS không cần dùng, hoặc xét thấy sử dụng không hiệu quả. Khi nhượng bán phải lập hội đồng xác định giá bán.
 - Kế toán giảm TSCĐ do góp vốn liên doanh với một đơn vị khác.
 - Giảm TSCĐ do thanh lý: Lập biên bản thanh lý TSCĐ, chứng từ kế toán, ghi sổ. Phát sinh ra các chi phí thu nhập có liên quan đến hoạt động thanh lý, chi phí hoạt động bất thường .
 - Giảm do bị mất, thiếu khi kiểm kê.
 - Giảm do chuyển thành CCDC.
- Trường hợp giảm TSCĐVH:

- Nguyên giá TSCĐVH giảm do giảm TSCĐ (nhượng bán thanh lý)
- Nguyên giá TSCĐ giảm do tháo dỡ 1 số bộ phận.
- Điều chỉnh giảm nguyên giá do đánh giá lại TSCĐ.

1.6-Kế toán khấu hao TSCĐ:

- Chế độ tính và sử dụng khấu hao TSCĐ hiện hành:

- Căn cứ vào chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để DN tiến hành trích khấu hao TSCĐ.

- Hiện nay, TSCĐ trong Dn đwojç trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Căn cứ vào khung giá qui định mà DN xây dựng khung cụ thể.

- Tính mức khấu hao :

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH trung bình năm}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\begin{aligned} \text{Số khấu hao TSCĐ} &= \text{Số khấu hao TSCĐ} + \text{Số khấu hao TSCĐ} - \text{Số khấu hao TSCĐ} \\ \text{trích trong} & \text{ tháng} \quad \text{tăng tháng} \quad \text{giảm trong} \\ & + \end{aligned}$$

Mức trích khấu hao trung Giá trị còn lại trên sổ kế

$$= \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian xác định lại (hoặc t/g)}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{trích} \\ \text{khấu hao} \\ \text{TSCĐ năm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá} \\ \text{TSCĐ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khấu hao lũy} \\ \text{kế của TSCĐ} \end{array}$$

- Cách lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ được sử dụng để phản ánh số khấu hao TSCĐ phải trích và phân bổ cho các đối tượng sử dụng TSCĐ hàng tháng.

- Phương pháp lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

- . Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao tháng trước để ghi dòng khấu hao đã tính tháng trước cho các đối tượng.

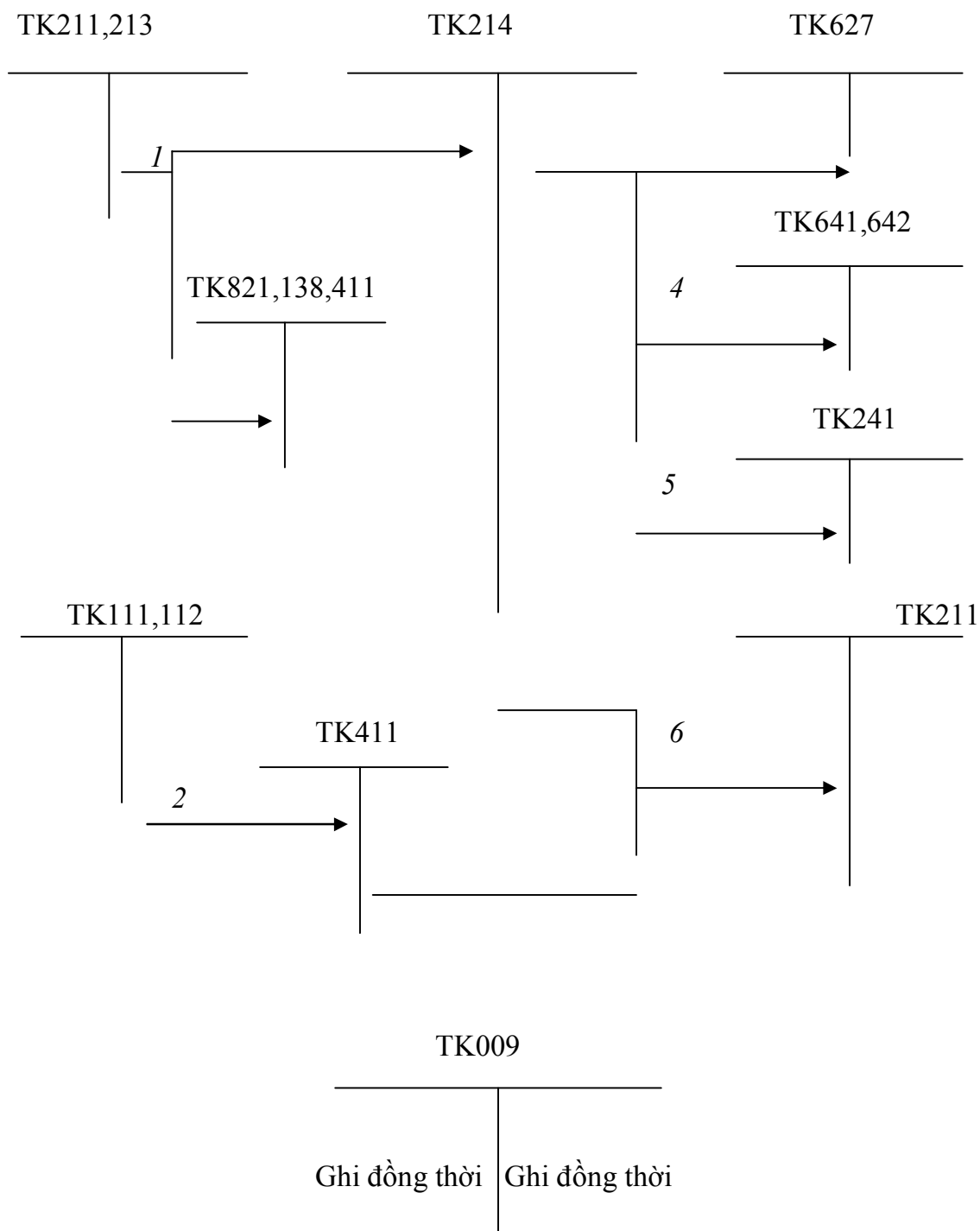
- . Số khấu hao tăng giảm được phản ánh chi tiết cho từng TSCĐ.

- . Số khấu hao tính tháng này được tính bằng số khấu hao đã tính tháng trước + số khấu hao tăng - số khấu hao giảm.

- . Số liệu trên bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ được dùng để ghi sổ kế toán chi phí sxkd có liên quan và để tính giá thành sp lao vụ dịch vụ hoàn thành.

- Kế toán nghiệp vụ khấu hao và sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ:

Sơ đồ kế toán khấu hao TSCĐ



Diễn giải:

- 1- Giảm TSCĐ
- 2- Khấu hao cơ bản nộp cấp trên (không được hoàn lại)

- 3- Trích khấu hao TSCĐ tính vào chi phí sản xuất chung
- 4- Trích khấu hao TSCĐ tính vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN
- 5- Trích khấu hao TSCĐ tính vào chi phí đầu tư XD CB
- 6- Nhận TSCĐ được điều chuyển đến (TSCĐ đã trích khấu hao)

1.7- Kế toán sửa chữa TSCĐ:

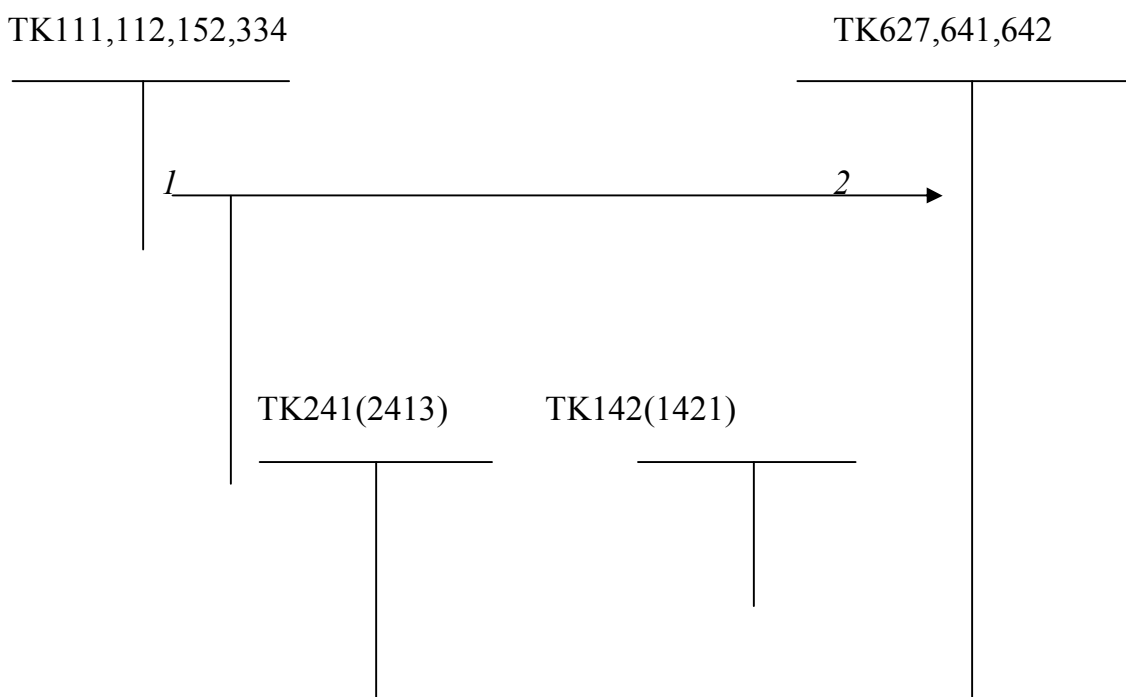
- Phân loại công tác sửa chữa TSCĐ
 - Tùy thuộc vào tính chất, mức độ của việc sửa chữa nên chia làm 2 loại:
 - + Nhỏ, thường xuyên theo định kỳ
 - + Sửa chữa lớn theo kế hoạch

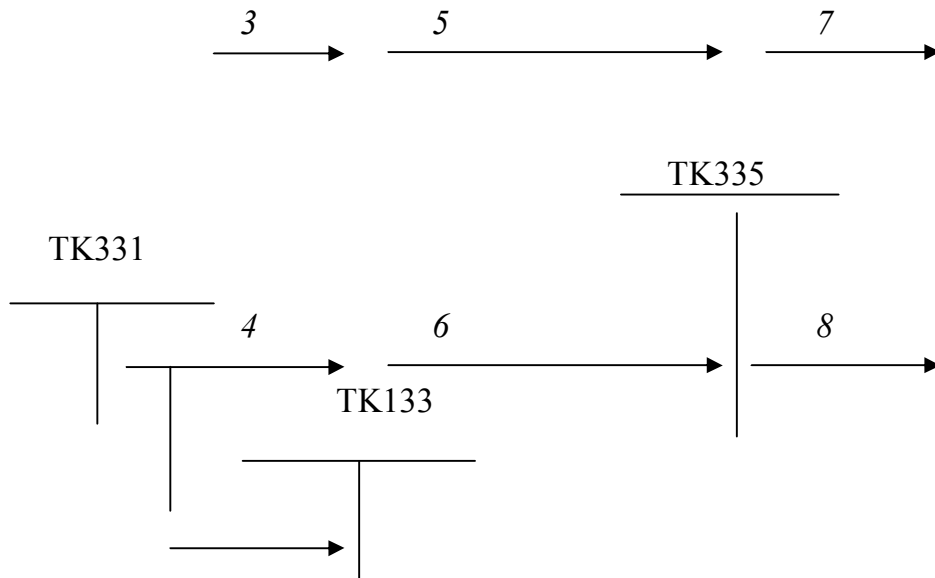
- Công tác lập kế hoạch và lập dự toán sửa chữa TSCĐ

Để sửa chữa TSCĐ doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự sửa chữa hoặc thuê ngoài sửa chữa TSCĐ. Doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ dự toán chi phí sửa chữa thực tế, chất lượng và thời hạn hoàn thành công tác sửa chữa TSCĐ.

- Các phương thức tiến hành sửa chữa TSCĐ: có 2 loại
 - Tự làm
 - Thuê ngoài
- Tài khoản kế toán sử dụng: TK 241 - xây dựng cơ bản dở dang
- Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu về sửa chữa TSCĐ.

Sơ đồ kế toán sửa chữa TSCĐ





Diễn giải:

- 1- Chi phí sửa chữa tự làm
- 2- Chi phí sửa chữa thường xuyên
- 3- Chi phí sửa chữa lớn
- 4- Chi phí sửa chữa thuê ngoài
- 5- Chi phí thực tế kết chuyển vào chi phí trả trước
- 6- Chi phí thực tế kết chuyển vào chi phí phải trả
- 7- Phân bổ dần vào chi phí SXKD
- 8- Trích trước vào chi phí SXKD

Chương II: Thực tế công tác kế toán TSCĐ tại xưởng sửa chữa ô tô Đức thành

2.1- Đặc điểm chung của doanh nghiệp.

2.1.1- Quá trình phát triển của doanh nghiệp:

- Quá trình hình thành và phát triển của xí nghiệp qua các giai đoạn lịch sử.
 - Tên doanh nghiệp: Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành.
 - Trụ sở: 365 đường Nguyễn Trãi-Quận Thanh Xuân-Hà nội.
 - Điện thoại: 853789

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành là một doanh nghiệp tư nhân. Xưởng tách ra từ tổ hợp tác xã dịch vụ quận Đống Đa-Hà nội từ năm 1996 và thành lập thành tổ sửa chữa

ô tô các loại lấy tên là Đức Thành. Đến năm 1997 thì chính thức thành lập doanh nghiệp tư nhân Đức Thành chuyên sửa chữa thay thế phụ tùng xe ô tô du lịch.

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành tuy là doanh nghiệp nhỏ nhưng nó cũng mang đầy đủ các đặc điểm của một công ty như có giám đốc, phòng kế toán, các quản đốc, đội ngũ công nhân, các bảo vệ và người phục vụ.

Với phương châm là luôn mang lại sự tin tưởng tín nhiệm của khách hàng đối với xưởng. Do đó, trong quá trình hoạt động xưởng luôn đặt vấn đề đảm bảo uy tín, nâng cao chất lượng, sửa chữa đối với khách hàng lên hàng đầu.

Từ khi thành lập cho đến nay, DN luôn phát triển toàn diện. Hiện nay, xưởng có 30 người bao gồm cả ban lãnh đạo lẫn đội ngũ công nhân:

- Ban lãnh đạo của xưởng: giám đốc.
- Phòng kế toán: 1 kế toán trưởng và 2 kế toán viên.
- Phòng quản lý: 1 quản lý.
- Phòng xưởng: 1 quản đốc kỹ thuật và 1 quản đốc sản xuất.
- Phân xưởng: 4 phân xưởng (tổ máy động cơ, tổ gi hàn- tổ sơn- tổ điện).

Có thể nói, tập thể cán bộ công nhân tại xưởng luôn đoàn kết cùng nhau phấn đấu để đưa xưởng phát triển toàn diện hơn. Trong những năm qua, DN đã góp phần vào ngành thuế của Nhà nước với mức bình quân nộp là 4 500 000đ/tháng bao gồm cả thuế GTGT và thuế thu nhập DN. Ngoài ra, trong xí nghiệp với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt, tài giỏi. Họ luôn biết suy nghĩ là làm sao nâng cao, cải tiến được tình hình hoạt động tại xưởng. Họ luôn biết là lúc nào thì nên thay đổi cách thức làm ăn. Ví dụ như trường hợp thời kỳ nào thì họ đầu tư nhiều vào may móc để phục vụ sửa chữa. Trường hợp nào thì họ biết đầu tư vào một số thu nhập khác như thanh lý tài sản, lãi bán hàng... Bên cạnh đó, xí nghiệp luôn coi trọng đến đời sống của mỗi công nhân tại xưởng. Với mức lương mang lại cho người lao động có thể đảm bảo cuộc sống của họ. Xưởng luôn lắng nghe mọi ý kiến của mỗi một công nhân về mọi vấn đề như trong quá trình sản xuất hoặc trong vấn đề sinh hoạt tại xưởng. Hàng năm, để giảm bớt mệt nhọc của công nhân. Xưởng luôn tổ chức những cuộc đi nghỉ mát, picnic để người công nhân có thể thư giãn thoải mái trong những ngày nghỉ. Từ những việc chăm lo tinh thần chu đáo như vậy cho công nhân. Xưởng luôn được sự ủng hộ, sự đoàn kết

phấn đấu hết mình cho công việc của mỗi người công nhân. Chính điều đó đã dẫn đến những năng suất khá cao mà xưởng thu được. Tóm lại, tuy là một DN tư nhân nhưng với những kết quả và đóng góp của mỗi một công nhân trong xưởng trong sản xuất thì với đà này xưởng sẽ phát triển rất rộng và doanh thu sẽ ngày càng đạt được cao hơn.

2.1.2- Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động SXKD của đơn vị kế toán:

- Với chức năng là bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng của các loại ô tô mang đến. Xưởng luôn thực hiện tốt mọi nhu cầu của khách hàng. Đáp ứng tối đa và làm sao đạt được những hiệu quả cao nhất khi được phục vụ cho khách hàng. Để cho mỗi khách hàng khi mang xe đến sửa luôn cảm thấy thật hài lòng và yên tâm khi chiếc xe của mình được trao đúng nơi, gửi đúng chốn.

- Nhiệm vụ: Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành trong quá trình hoạt động. Xưởng luôn đề ra một mục tiêu chính là lấy chất lượng và đặt chữ tín của mình lên hàng đầu. Chính vì vậy, mà từ khi thành lập cho đến nay xưởng luôn được sự tin yêu, tín nhiệm của mỗi khách hàng. Điều đó đã góp phần làm cho xưởng ngày càng vững mạnh hơn. Đội ngũ công nhân có tay nghề cao càng nhiều hơn. Dem lại cho xưởng hàng năm một khoản nộp lớn. Góp phần vào quá trình hiện đại hoá- công nghiệp hoá đất nước.

- Đặc điểm hoạt động SXKD tại xưởng:

Xưởng luôn hoạt động ở các lĩnh vực chủ yếu như:

- Bảo dưỡng xe.
- Sửa chữa xe.
- Lắp đặt thêm một số bộ phận ngoại nếu khách có nhu cầu.

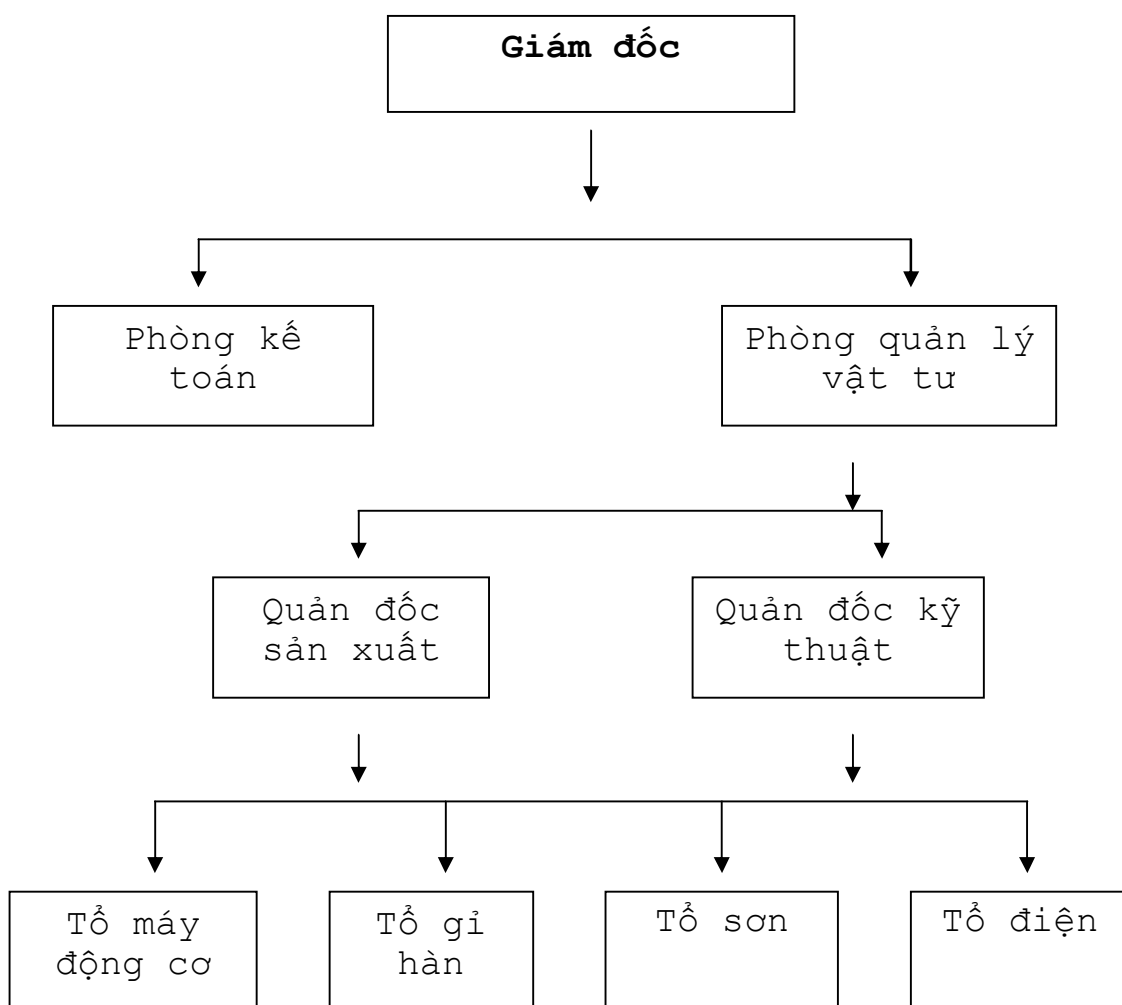
Bên cạnh đó, xí nghiệp còn có thêm một số thu nhập khác như:

- Thu nhập từ chuyển nhượng thanh lý tài sản.
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm.

Từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu và các khoản thu nhập thêm đã đem lại cho xưởng những khoản thu không nhỏ. Như doanh thu bình quân sang tháng là 200 triệu đồng. Và năm 2000 vừa qua xưởng đã được bằng khen về nộp thuế cao của cục thuế Hà Nội cấp.

2.1.2- Công tác tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị thực tập:

• Với công việc chính trị tại xưởng là sửa chữa hỏng hóc khi ô tô được khách mang đến. Xưởng luôn biết cách làm sao để khách hàng luôn cảm thấy hài lòng. Tại đây, những nhân viên quản lý, những quản đốc, những kỹ thuật viên luôn biết họ sẽ phải làm gì và hướng dẫn các phân xưởng dưới hoạt động ra sao để đạt hiệu quả tốt nhất. Bên cạnh đó để thuận tiện cho việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành đã tổ chức bộ máy quản lý thành một cơ cấu gọn nhẹ bao gồm:



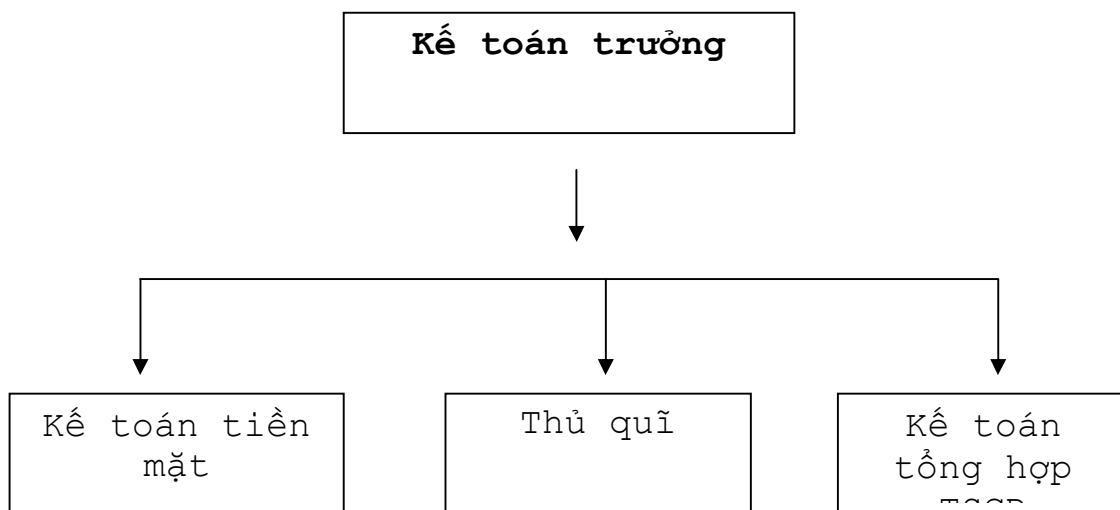
• Công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp:

- Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành là một doanh nghiệp nhỏ được tách ra từ tổ hợp tác xã Quận Đống Đa- Hà Nội. Nó được tổ chức, sản xuất và quản lý theo mô hình của doanh nghiệp.

- Công tác kế toán ở DN được tổ chức tập trung tại phòng kế toán của DN nhằm mục đích hạch toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo phân tích việc thực hiện các kế hoạch giám sát tình hình sử dụng vốn của DN.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán:

Sơ đồ bộ máy kế toán

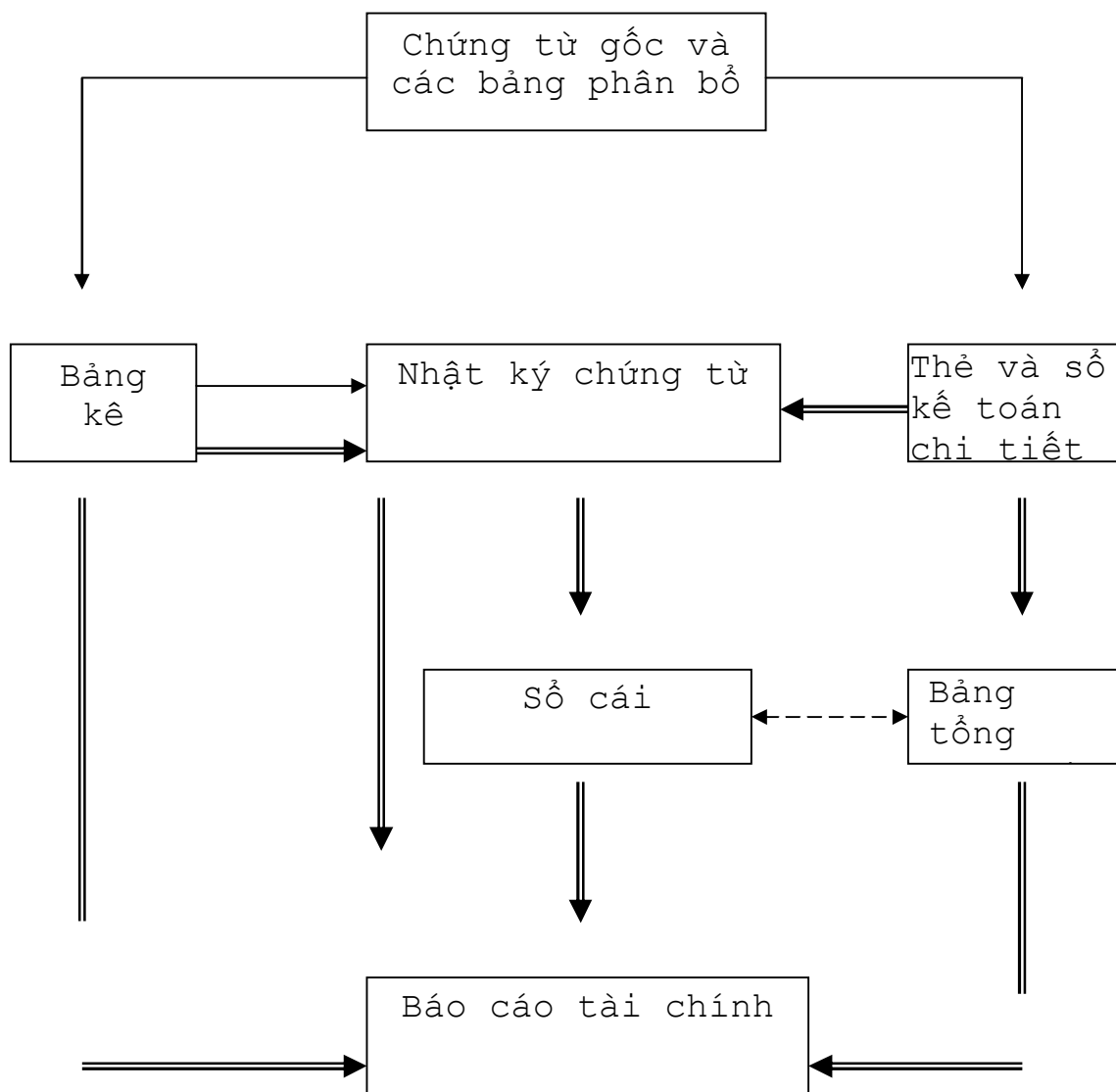


- Nhiệm vụ của kế toán trưởng:

- + Tổ chức công tác kế toán, công tác thống kê của DN.
- + Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh tình hình hoạt động của DN.
- + Tính toán và trích nộp đầy đủ các khoản nộp ngân sách nộp cấp trên, các quỹ xí nghiệp, thanh toán và thu hồi đúng.
- + Phản ánh chính xác, kịp thời kết quả kiểm kê định kỳ, xử lý các khoản hao hụt mất mát.
- + Tổ chức kiểm tra, xét duyệt các báo cáo quyết toán của cấp dưới.
- + Tổ chức bảo quản, lưu giữ các tài liệu.
- + Thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên kế toán.

+ Có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ quản lý và kỹ thuật lao động, mức lao động, tiền thưởng, tiền lương.

- Hình thức kế toán áp dụng tại DN: Tại xưởng áp dụng hình thái nhật ký chứng từ. Hình thái này được trình bày theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←- - - - -> Ghi cuối tháng
- ==> Đối chiếu kiểm tra

2.2- Thực tế công tác kế toán TSCĐ:

2.2.1- Tình hình đầu tư về TSCĐ tại đơn vị:

Là một DN nhỏ nhưng tại xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành luôn coi trọng việc đầu tư về TSCĐ tại đơn vị. Bởi TSCĐ luôn là cơ sở vật chất, kỹ thuật chủ yếu của DN. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm và khả năng cạnh tranh của DN trên thị trường. Xưởng luôn biết giá trị TSCĐ để từ đó có thể đưa ra những phương pháp bảo quản và sử dụng đúng phù hợp với giá trị của TSCĐ. Các TSCĐ tiêu biểu tại xưởng có giá trị rất lớn như 4 chiếc cầu nâng mỗi chiếc trị giá 50.000.000đ/cái. Từ việc đầu tư vào những TSCĐ lớn như thế đã luôn mang về những khoản thu không nhỏ cho DN, TSCĐ luôn đóng vai trò tích cực và luôn tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, giá trị của TSCĐ cũng sẽ bị hao mòn dần và được chuyển dịch dần dần vào giá trị của sản phẩm mới. Do những lợi ích của TSCĐ mang lại, xưởng luôn biết quản lý chặt chẽ TSCĐ cả về giá trị và hiện vật. Nói một cách khác vấn đề đầu tư TSCĐ tại đơn vị luôn được quan tâm và luôn được coi là vấn đề quan trọng hàng đầu.

2.2.2- Thực trạng về tình hình quản lý và sử dụng TSCĐ tại đơn vị:

Do TSCĐ luôn quan trọng và cũng là một khoản đầu tư không nhỏ chính vì vậy nó luôn được quản lý và sử dụng đúng cách. Tại xưởng, những người có quyền điều hành cao luôn biết áp dụng đúng mức trách nhiệm và công việc của mình. Nắm tốt mọi công tác quản lý và biết sử dụng TSCĐ. Ban lãnh đạo xưởng luôn biết TSCĐ quan trọng như thế nào và nó cần thiết trong lĩnh vực sản xuất ra sao. Ví dụ như với giá trị của những chiếc cầu nâng là luôn quan trọng, nhờ có nó thì mới có thể nâng cao các loại xe ô tô để có thể sửa chữa, lắp đặt. Với công dụng quan trọng như vậy nó luôn là TSCĐ quan trọng nhất tại xưởng và hầu như là có số vốn đầu tư lớn nhất còn các loại khác như tự điều khiển máy hàn điện.... nó cũng không kém phần quan trọng góp mặt trong quy trình sửa chữa. Luôn coi trọng chất lượng và chữ tín đối với khách hàng. Do đó xưởng luôn quản lý chặt chẽ dự đoán chi phí sửa chữa thực tế và thời hạn hoàn thành công tác sửa chữa TSCĐ. Nói tóm lại, với bất kỳ loại TSCĐ nào có trong doanh nghiệp cũng luôn được bảo quản và sử dụng hợp lý đúng với chuyên ngành và công dụng của nó khi được mang vào sử dụng.

2.2.3- Thực tế phân loại TSCĐ tại đơn vị: (trích sổ TSCĐ của DN)

Sổ tài sản cố định

Đơn vị: Xưởng SC ô tô Đức Thành

Đơn vị: 1000đ

TT	Tên TSCĐ	Nước sản xuất	Nguyên giá	Năm đưa vào sử dụng	Số năm khấu hao	Số khấu hao 1 năm	Ghi chú
1	Bàn nâng	Italia	50.000	1999	5	10.000	
2	Tủ điều khiển máy hàn	Việt nam	5.500	2000	1	5.500	

2.2.4- Kê toán chi tiết TSCĐ:

Sổ chi tiết TSCĐ

đơn vị: 1000đ

TT	Chứng từ		Tên TSCĐ	Nước sản xuất	Nơi sử dụng	Nguyên giá	Số khấu hao 1 năm	Nguồn hình thành	Ghi chú
	CT	NT							
1	PC 12	15/2/1999	Bàn nâng	Italia	Xưởng sửa chữa	50.000	10.000	Tự có	
2	PC 504	26/8/2000	Tủ điều khiển máy hàn	Việt nam	Xưởng sửa chữa	5.500	5.500	Tự có	

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Thủ tục quản lý tăng, giảm TSCĐ áp dụng trong DN:

- Thủ tục quản lý giảm TSCĐ: đối với những TSCĐ giảm cũng phải lập đầy đủ thủ tục chứng từ hồ sơ TSCĐ để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Chứng từ giảm TSCĐ để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Chứng từ giảm TSCĐ gồm: “ biên bản thanh lý TSCĐ”, “ thẻ TSCĐ”.

Khi có TSCĐ hữu hình nào đó cần phải thanh lý, DN phải làm thủ tục thanh lý.

VD: căn cứ vào hồ sơ giảm TSCĐ ngày 12/ 8/ 2001, xưởng thanh lý khu nhà ngói 5 phòng:

+ Nguyên giá: 55.421.537đ

+ Giá trị đã hao mòn: 54.235.525đ

+ Chi phí bằng mặt tiền: 1.798.141đ

+ Giá trị thu hồi: 3.645.089đ

Căn cứ vào biên bản kiểm tra hiện trạng thực tế TSCĐ xin thanh lý và xưởng lập trình xin thanh lý TSCĐ với cấp trên tuyên duyệt cho thanh lý. Hội đồng quản lý trong xưởng lập ra trên bản thanh lý số 030 ngày 13/ 7.

Mẫu số 6:

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành

Biên bản thanh lý TSCĐ

Số 030

Ngày 13/ 7/ 2001

Căn cứ vào tờ trình của xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành ngày 10/ 7/ 2001.

Biên bản thanh lý gồm:

1. ông: Trần Văn Đức Chức vụ: Trưởng phòng quản lý
2. ông: Phạm Văn Hợi Chức vụ: Quản đốc phân xưởng
3. Bà: Lê Thị Hanh Chức vụ: Kế toán TSCĐ

Đã tiến hành thanh lý TSCĐ

Tên tài sản: Khu nhà bảo vệ Mã tài sản..... Số thẻ.....

Năm xây dựng: 1990

Nguyên giá: 55 412 537đ Chi phí sửa chữa lớn.....

Khấu hao cơ bản đã trích: 54 235 525đ

Kết luận của ban thanh lý.

Toàn bộ khu nhà bảo vệ 5 phòng luồng mái sập, dột nát, tường xây đã có nhiều vết rạn nứt. Hội đồng thống nhất cho thanh lý.

Ngày 13/ 7/ 2001

Giám đốc xưởng

Trưởng phòng quản lý

Lương Văn Thái

Trần Văn Đức

Kết quả thanh lý:

Chi phí thanh lý: 1.798.141đ

Bằng chữ: Một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn một trăm bốn một đồng.

Giá trị thu hồi : 3.645.089đ

Đã ghi thẻ TSCĐ ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng

Trần Văn Minh

Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ. Kế toán ghi vào NKCT số 9.

- Thủ tục quản lý tăng TSCĐ.

Căn cứ vào hồ sơ tăng TSCĐ. Ngày 28/ 6/ 2000 công ty mua tủ điều khiển máy hàn điện số 2 cho xưởng cơ khí lớn. Tủ điện được mua bằng tiền mặt.

Sau khi nhận hàng, ban kiểm chất lượng của DN kiểm tra sản phẩm. TSCĐ khi đạt yêu cầu sẽ được tiến hành nghiệm thu và công ty lập biên bản giao nhận TSCĐ theo mẫu sau:

Mẫu số 1:

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành:

Biên bản giao nhận TSCĐ

Số: 05

Mẫu số QĐ, Liên bộ TCTK-TC

Ngày 26/ 8/ 2000

Ban kiểm nhận gồm có:

1. Ông (bà) Nguyễn Đức Thu Chức vụ: Trưởng phòng quản lý vật tư
2. Ông (bà) Đỗ Đình Hồ Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật
3. Ông (bà) Phạm Văn Hợi Chức vụ: Quản đốc phân xưởng

Đơn vị giao: Phòng kỹ thuật

Đơn vị nhận: Phân xưởng cơ khí

Tên TSCĐ: Tủ điện điều khiển máy hàn điện số 2.

Năm sản xuất: 1998

Nguyên giá: 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng)

Tỷ lệ KHCB

Tỷ lệ KHSCL

KHCB công dồn:

Số KHSCL công dồn:

Nhận xét tóm lược:

Tình trạng thiết bị:

Thiết bị mua mới:

Tình trạng làm việc:

Thiết bị hoạt động tốt:

Công dụng: Hàn các loại dây inox từ $\Phi 1$ - $\Phi 5$ đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Bên giao

Bên nhận

Ban kiểm nhận

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(đóng dấu)

Căn cứ vào chứng từ giao nhận TSCĐ, kế toán tại xưởng mở sổ đăng ký TSCĐ và ghi sổ chi tiết TSCĐ. Nội dung chính của 2 sổ này phản ánh chi tiết các nghiệp vụ TSCĐ phát sinh. Số liệu trên sổ cung cấp các chỉ tiêu chi tiết về tình hình tài sản và là căn cứ để lập báo cáo.

- Thu nhập các chứng từ kế toán khác liên quan TSCĐ:

Mẫu số 4.;

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành:

Nhật ký chứng từ số 1

đơn vị:1.000đ

STT	NT	Diễn giải	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK liên quan						
			112	113	211	222	133	Cộng có
1	26/8/20 00	Mua tủ điện điều khiển máy hàn			5.500				

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các NKCT, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp tăng, giảm và lấy số liệu tổng cộng của các chứng từ, ghi trực tiếp vào sổ cái TK 211.

⇒ Bảng tổng hợp TSCĐ tăng năm 2000

Mẫu số 7:

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành

Nhật ký chứng từ số 9

STT	Số hiệu chứng từ	Diễn giải	Ghi có TK211, nợ TK.....	Cộng TK211
-----	---------------------	-----------	-----------------------------	---------------

			214	821	
1	11/8	Bán thanh lý TS chờ thanh lý	243.930.000		243.930.000
2	12/8	Máy tiện	8.055.000		8.055.000
3	-	Máy mài	11.640.000		11.640.000
4	-	Khu nhà ngói 5 phòng	54.235.525	1.177.012	55.412.537

Cuối tháng từ nhật ký chứng từ số 9, kế toán tổng hợp lên bảng kê giảm TSCĐ và ghi vào sổ cái TK 211.

- Phản ánh các trường hợp tăng giảm vào sổ TSCĐ.

Sổ Tài sản cố định

đơn vị: Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành

đơn vị: 1000đ

S	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	N/giá TSCĐ	Khấu hao		KH đã tính khi ghi giảm TSCĐ			Lý do giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ % khấu hao	Mức khấu hao/t háng		SH	N T		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

1	P	2	Tủ	VN	26/8/	MH	5.50	10	460	5.50	10/	PT	Than
	C	6/	điều		2000	35	0	%		0	8/0	22	h lý
	5	8/	khiế								1		
	0	0	n										
	4	0	máy										
			hàn										

2.2.5- Kế toán tổng hợp TSCĐ:

2.2.5.1- Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ hữu hình:

- Tài khoản kế toán áp dụng trong DN

- Đối với kế toán tăng TSCĐ:

VD: Ngày 26/ 12/ 2000, xưởng mua một lô bầu lọc giá nguyên giá là 11 000 000đ từ nguồn vốn đầu tư, xây dựng cơ bản, 300 000đ từ quỹ phát triển kinh doanh trên biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng mua bán tài sản, phiếu bảo hành. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 211.3: 11 300 000đ

Có TK 331: 11 000 000đ

Có TK 111: 300 000đ

Căn cứ vào nguồn hình thành TSCĐ kế toán định khoản:

Nợ TK 441: 11 000 000đ

Nợ TK 414: 300 000đ

Có Tk 411: 11 300 000đ

- Đối với kế toán giảm TSCĐ:

VD: Ngày 6/ 12/ 2000, xưởng thanh lý một số cao su giảm chấn với nguyên giá 6 885 000đ giá trị đã hao mòn 6 485 000đ, chi phí thanh lý chi bằng tiền mặt 400 000đ.

Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 214: 6 485 000đ

Nợ TK 821: 400 000đ

Có TK 211: 6 885 000đ

- Ghi số liệu vào sổ kế toán có liên quan:

Nhật ký chứng từ số 1

Đơn vị: xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành

Ghi có TK 111-tiền mặt

Tháng 12/2000

Đơn vị: 1000đ

S T T	Ngày	Ghi có TK111, ghi nợ các TK.....											Cộng có TK11 1	
		11 2	11 3	12 1	13 1	13 8	14 1	14 4	15 1	15 4	211	21 3		...
1	6/12/00										400			
2	26/12/00										300			
	Cộng										700			

Đã ghi sổ cái ngày 30/12/2000

Kế toán ghi sổ

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

- Sổ cái TK211-TSCĐ hữu hình

Sổ cái

TK 211-TSCĐ hữu hình

Năm 2000

Số dư đầu kỳ: 2.282.270đ

Đơn vị: 1000đ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
12/8	20	10/8	Giảm TSCĐ do thanh lý	213	54.238.52 5	

				821	1.177.012	
				214	8.055.000	
...
28/8	10	26/8	Tăng TSCĐ do mua sắm	111		5.500.00 0
				336		25.071.0 00
				152		20.880.0 00
....
			Cộng phát sinh		63.470.53 7	51.451.0 00
			Dư cuối kỳ		14.301.80 7	

2.2.5.2- Kế toán khấu hao TSCĐ:

- Chế độ quản lý và sử dụng nguồn vốn khấu hao thực hiện tại DN:

Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn dần về cả giá trị và hiện vật do đó giá trị của TSCĐ sẽ được chuyển dịch vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Theo quy định hiện hành ở nước ta những TSCĐ giảm kỳ trước, kỳ này không tính khấu hao. Nói một cách khác đi khi doanh nghiệp tiến hành trích khấu hao TSCĐ thì đảm bảo thu hồi vốn nhanh đầy đủ, phù hợp với khả năng trang trải chi phí của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có điều kiện hiện đại hoá, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ hiện nay đơn vị đang áp dụng:

Tài sản dùng cho bộ phận nào thì phân bổ vào chi phí cho bộ phận ấy. Như khấu hao máy móc, thiết bị nhà cửa và TSCĐ khác dùng ở các bộ phận sản xuất được hạch toán vào TK 627, khấu hao TSCĐ thuộc bộ phận bán hàng được hạch toán vào TK

641, khấu hao TSCĐ phục vụ cho công tác đầu tư XD CB tự làm được hạch toán vào TK 241, khấu hao TSCĐ phục vụ hoạt động chung toàn doanh nghiệp được hạch toán vào TK 642

Nợ TK 627, 641, 642.

Có TK 241

ở phân xưởng hầu hết là các máy móc, thiết bị do đó chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ vào TK 627.

- Tỷ lệ khấu hao cơ bản hoặc khung thời gian khấu hao của từng nhóm TSCĐ theo chế độ qui định và thực tế vận dụng của toàn doanh nghiệp:

Xưởng đã thực hiện trích khấu hao theo các qui định sau:

- Việc tính khấu hao cơ bản căn cứ vào nguyên giá TSCĐ và tỷ lệ khấu hao theo quyết định 1062 (14/ 11/ 1997 BTC)

- Tất cả TSCĐ hiện có ở công ty tham gia quá trình sản xuất và kinh doanh đều phải tính khấu hao để phân bổ vào giá thành.

- Đối với những TSCĐ đã hết khấu hao thì xưởng không trích khấu hao theo quy định nhưng vẫn quản lý sử dụng.

- Bảng tính trích và phân bổ khấu hao TSCĐ thực hiện trong doanh nghiệp

- Phương pháp tính khấu hao theo công thức sau:

$$\text{Số khấu hao} = \text{Số khấu hao} + \text{Số khấu hao} - \text{Số khấu hao giảm}$$

Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

đơn vị tính: 1000đ

Tên TS	Nguyên giá	Mức khấu hao/năm	TK 627	TK 641	TK 642
1. Bàn nâng	50.000	10%	4.000	400	600

2. Máy nén khí	10.000	50%	3.500	600	900
3. Máy vi tính	12.000	25%	2.000	100	900

Cộng	72.000		9.5000	1.100	2.400

- Kế toán tổng hợp khấu hao TSCĐ và sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ:

- Kế toán khấu hao TSCĐ sử dụng TK 214, TK 009 và các tài khoản khác có liên quan.

- Các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Nợ TK 627: 18 128

Nợ TK 641: 5 438,4

Nợ TK 642: 9 064

Có TK 214: 22 630,4

Đồng thời Nợ TK 009: 22 630,4

- Sổ cái TK 214: hao mòn TSCĐ

Sổ cái

TK 241- Xây dựng cơ bản dở dang

Tháng 8/ 2001

Dư đầu tháng: 10 000 000đ

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
8/8	01	8/8	Chi phí sửa chữa máy công	152	200.000	

			cụ			
9/9	02	9/8	Hợp đồng giao thầu	334	50.000	
10/8	03	10/8	Biên bản bàn giao sửa chữa TSCĐ hoàn thành	331	8.000.000	8.250.00 0
			Cộng phát sinh		8.250.000	8.250.00 0
			Dư cuối kỳ		10.000.00 0	

2.2.5.3- Kế toán sửa chữa TSCĐ:

- Thủ tục tiến hành công tác sửa chữa TSCĐ và chứng từ kế toán liên quan:

Do TSCĐ được cấu thành bởi nhiều bộ phận, chi tiết khác nhau và được sử dụng lâu dài cho nên trong quá trình sử dụng, các bộ phận của TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng dần với mức độ khác nhau. Chính do đó TSCĐ cần phải được sửa chữa theo những phương pháp mà chính doanh nghiệp đã và đang áp dụng.

- Công tác lập kế hoạch và dự toán sửa chữa TSCĐ tiến hành trong doanh nghiệp:

Để sửa chữa TSCĐ, xưởng đa số tiến hành theo phương thức thuê ngoài sửa chữa TSCĐ. Để tính chính xác giá trị được tập hợp vào TK 241. Khi việc sửa chữa hoàn thành giá trị thực tế của công việc sửa chữa được kết chuyển vào TK chi phí trả trước hoặc kết chuyển vào TK chi phí phải trả.

- Trình tự kế toán sửa chữa áp dụng trong doanh nghiệp và số liệu thực tế:
 - Trong tháng 8/ 2000, xưởng phải sửa chữa một máy công cụ do xưởng tự làm biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa máy công cụ ngày 10/ 8 số20.

+ Tổng giá dự toán: 250.000đ

+ Tổng giá thực tế: 250.000đ

- Và sửa chữa một nhà xưởng. DN áp dụng phương thức cho thầu sửa chữa.

+ Tổng giá trị hợp đồng: 8.000.000đ

+ Tổng giá dự đoán: 8.000.000đ

Biên bản giao nhận sửa chữa nhà xưởng ngày 10/ 8 số 21.

Mẫu số 10

Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa hoàn thành

Ngày 10/8/2001

Số 20

Căn cứ quyết định số 060 ngày 3/8/2000 của giám đốc xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành.

Chúng tôi gồm:

Ông Lương Văn Thái- Đại diện đơn vị có TSCĐ

Ông Nguyễn Văn Nam- Đại diện đơn vị sửa chữa

Đã kiểm nhận việc sửa chữa TSCĐ như sau:

Tên, mã ký hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ: máy công cụ

Số hiệu TSCĐ: Số thẻ:

Bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ: phân xưởng máy động cơ.

Thời gian sửa chữa từ ngày 8/8/2000

Các đơn vị sửa chữa gồm có:

Tên bộ phận	Nội dung công việc sửa chữa	Giá dự toán(đ)	Chi phí thực tế	Kết quả KK
1. Thay vôi	Thay thế	150.000	140.000	đạt yêu cầu

2. Sửa chữa bơm dầu	Sửa lại	50.000	60.000	-
3. Bộ phận truyền dẫn	Chữa lại	50.000	50.000	-
Cộng		250.000	250.000	

Xưởng

Đơn vị sửa chữa

Lương văn Thái

Nguyễn văn Nam

Kèm theo 02 chứng từ gốc xưởng sản xuất căn cứ hợp đồng giao thầu sửa chữa ghi:

Nợ TK 241: 8.000.000đ

Có TK 331: 8.000.000đ

Căn cứ biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa hoàn thành ghi vào NKCT số 7.

Mẫu số 11:

Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành

Nhật ký chứng từ số 7

STT	TK ghi có	142	241	Các TK phản ánh ở NKCT		Cộng chi phí thực tế trong tháng
	TK ghi nợ			NKCT1	NKCT2	

1	211		250.000			
2	211		8.000.000			
	Cộng		8.250.000			8.250.000
						0

Chương III: Nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán TSCĐ:

I - Sự hoàn thiện trong việc tổ chức kế toán TSCĐ:

- Trong những năm trở lại đây, cùng với sự đổi mới theo chiều hướng đi lên của đất nước. Xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành tuy mới thành lập được 5 năm nhưng cách tổ chức quản lý nói chung và phương thức hạch toán kế toán nói riêng đã đạt được hiệu quả cao. Lãnh đạo xưởng đã đưa ra nhiều biện pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn để hoà nhập với guồng máy vận động chung của nền kinh tế thị trường:

- Về bộ máy quản lý: có cơ cấu tổ chức bộ máy theo hệ thống nên đã tạo ra một khung hành chính quản lý vững chắc gọn nhẹ mà vẫn đảm bảo hiệu quả lao động cao.

- Phân công chuyên môn hoá lao động kế toán: Với đặc điểm của xưởng là sửa chữa những hỏng hóc của các loại ô tô mang đến thị với việc áp dụng hình thức NKCT cũng là hình thức phân công các mảng công việc một cách rõ ràng. Mỗi kế toán viên phụ trách luôn đúng mảng công việc của mình.

- Sổ sách kế toán đã thực hiện theo đúng qui định của BTC .

- Hệ thống quản lý TSCĐ tập trung đã giúp xưởng quản lý được tương đối tốt lượng TSCĐ.

- Trong năm qua xưởng đã mạnh dạn đầu tư đổi mới trang thiết bị máy móc để đáp ứng nhu cầu phục vụ khách tới xưởng sửa chữa, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ và không ngừng tăng lợi nhuận cho xưởng.

- Về cơ bản kế toán TSCĐ đã theo dõi được tình hình tăng, giảm, khấu hao và kiểm kê TSCĐ theo đúng quy trình, đảm bảo việc phản ánh đúng nguyên giá TSCĐ hiện có cũng như mức trích khấu hao.

- Xưởng áp dụng mức trích khấu hao TSCĐ liên hoàn sử dụng số liệu TSCĐ năm trước để tính mức khấu hao trung bình cho từng tháng ngay từ đầu năm. Mức khấu hao này không thay đổi cho tới khi được điều chỉnh vào cuối niên độ kế toán để phù hợp với tình hình tăng, giảm TSCĐ thực tế trong năm. Việc làm này đã tiết kiệm được thời gian và đảm bảo cung cấp số liệu tương đối chính xác cho quản lý

II - Một số tồn tại trong công tác tổ chức hạch toán TSCĐ:

- Cho đến nay, xưởng vẫn chưa xác định được các TSCĐ của mình như kinh nghiệm sản xuất, uy tín trên thị trường, đội ngũ công nhân lành nghề.

- Hệ thống sổ ghi chi tiết TSCĐ tự thiết kế mẫu (sổ đăng ký TSCĐ, đồ chi tiết TSCĐ). Trên thực tế hai quyển này còn thiếu một số thông tin cần thiết như TSCĐ đã được khấu hao bao nhiêu, hồ sơ về TSCĐ được lưu ở đâu, thẻ TSCĐ không được lập vì quá nhiều TSCĐ.

- Cách tính khấu hao được điều chỉnh vào cuối niên độ, kế toán đã không phản ánh được chính xác mức khấu hao thực tế.

- Xưởng chưa tiến hành đánh giá lại tài sản từ năm 1998 cho đến nay. Vì TSCĐ chiếm nguồn vốn khá cao trong xưởng nên việc xác định con số chính xác về nguyên giá TSCĐ theo giá thị trường không kịp thời, không chính xác.

- Xưởng chưa khai thác hết nguồn vốn hình thành tài sản, thể hiện TSCĐ cần thanh lý chưa được bán để thu hồi vốn đầu tư và lượng tài sản cố định hiện có chưa đúng còn nhiều tồn đọng vốn và không sinh lời.

III - Một vài ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại xưởng sửa chữa ô tô Đức Thành:

- Hệ thống sổ chi tiết TSCĐ theo bộ phận của công ty cần phải được bổ sung thêm một số cột bao gồm: mức khấu hao lượng TSCĐ giảm (nguyên giá, khấu hao và nơi lưu trữ hồ sơ tài sản để phù hợp với mẫu sổ do bộ tài chính quy định.

- Xưởng nên thay đổi cách tính mức khấu hao cho từng tháng trong năm để đảm bảo việc trích khấu hao một cách chính xác cho từng tháng, giúp phản ánh đúng kết quả kinh doanh của từng quý và cả năm.

- Hàng năm xưởng nên kiểm kê TSCĐ về cả số lượng lẫn chất lượng. Việc đánh giá lại TSCĐ có thể thực hiện ba năm một lần để phù hợp với bảng tính khấu hao kế hoạch ba năm.

- Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách cấp ngày càng giảm, để tăng cường đổi mới hiện đại hoá, máy móc thiết bị, xưởng cần nhanh chóng tiếp cận với hình thức TSCĐ thuê tài chính. Đây là phương thức đầu tư nhanh mà xưởng không phải huy động cả một số vốn lớn ngay từ ban đầu.

Song song với việc tìm các nguồn vốn đầu tư mới, xưởng cần phải sử dụng các nguồn vốn hiện có, các TSCĐ không cần dùng phải được thanh lý ngay để thu hồi vốn và đầu tư vào TSD mới. Tương tự như vậy, các TSCĐ hiện có chưa sử dụng thì cần phải được đưa vào sử dụng ngay để giảm tối thiểu lượng vốn cố định tồn đọng không sinh lời.

Kết luận

Trong nền kinh tế thị trường muốn đứng vững được đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự chủ trong kinh doanh. Do vậy chủ tiêu lợi nhuận là một chỉ tiêu quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hiện nay nền kinh tế thị trường luôn đòi hỏi công tác quản lý và sử dụng vốn cố định phải đạt được hiệu quả cao.

TSCĐ là bộ phận chính của cơ sở vật chất kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân, là điều kiện cơ bản để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, từng doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán TSCĐ cần phải tính toán kịp thời, chính xác tình hình xây dựng, trang bị đổi mới tăng TSCĐ cũng như thanh lý nhượng bán TSCĐ, tính toán chính xác phân bổ số khấu hao và giá thành. Tham gia lập kế hoạch sửa chữa TSCĐ, sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm sẽ tránh được lãng phí và bảo quản tốt TSCĐ, có biện pháp hạch toán và quản lý chặt chẽ là đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định.

Mục lục

Lời nói đầu

Chương I: Các vấn đề chung kế toán TSCĐ

1.1-Khái niệm, đặc điểm TSCĐ, vai trò của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.1- Khái niệm, đặc điểm TSCĐ

1.1.2- Vai trò của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.2- Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ

1.3- Các cách phân loại TSCĐ chủ yếu và nguyên tắc đánh giá

1.3.1- Các cách phân loại TSCĐ chủ yếu

1.3.2- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ.

1.4- Thủ tục tăng giảm TSCĐ, chứng từ kế toán và kế toán chi tiết TSCĐ:

1.4.1- Thủ tục tăng, giảm TSCĐ theo chế độ quản lý TSCĐ.

1.4.2- Chứng từ kế toán TSCĐ.

1.4.3- Kế toán chi tiết tăng, giảm TSCĐ.

1.5- Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ:

1.5.1- TK kế toán sử dụng.

1.5.2- Kế toán tổng hợp các trường hợp tăng TSCĐHH.

1.5.3- Kế toán TSCĐ thuê tài chính.

1.5.4- Kế toán tăng TSCĐ vô hình.

1.5.5- Kế toán tổng hợp các trường hợp giảm TSCĐHH và vô hình.

1.6- Kế toán khấu hao TSCĐ.

1.7- Kế toán sửa chữa TSCĐ.

Chương II: Thực tế công tác kế toán TSCĐ tại xưởng

2.1- Đặc điểm chung của doanh nghiệp.

2.2- Thực tế công tác kế toán TSCĐ:

2.2.1- Tình hình đầu tư về TSCĐ tại đơn vị.

2.2.2- Thực trạng về tình hình quản lý và sử dụng TSCĐ ở đơn vị.

2.2.3- Thực tế phân loại TSCĐ ở đơn vị.

2.2.4- Kế toán chi tiết TSCĐ.

2.2.5- Kế toán tổng hợp TSCĐ.

2.2.5.1- Kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐHH.

2.2.5.2- Kế toán khấu hao TSCĐ.

2.2.5.3- Kế toán sửa chữa TSCĐ.

Chương III: Nhận xét và kiến nghị công tác kế toán TSCĐ

I - Sự hoàn thiện trong công tác tổ chức kế toán TSCĐ.

II - Một số tồn tại trong công tác tổ chức hạch toán TSCĐ.

III - Một vài ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại xưởng.

Kết luận